

Số: 3456 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 21 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ hộ kinh doanh phải tạm ngừng hoạt động do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn thành phố Biên Hòa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Kế hoạch số 8015/KH-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của UBND thành phố Biên Hòa tại Tờ trình số 17495/TTr-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2021; ý kiến của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 556/TTr-LĐTBXH ngày 17 tháng 9 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ hộ kinh doanh phải tạm ngừng hoạt động do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn thành phố Biên Hòa gồm 158 hộ kinh doanh với tổng kinh phí là 474.000.000 đồng (bốn trăm bảy mươi bốn triệu đồng chẵn).

(Danh sách đính kèm theo Quyết định).



Nguồn kinh phí hỗ trợ người lao động được sử dụng từ nguồn ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 68/NQ-CP và các nguồn huy động hợp pháp khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao UBND thành phố Biên Hòa chỉ đạo các đơn vị liên quan khẩn trương chi trả kịp thời, đúng đối tượng; kiểm tra, rà soát đảm bảo việc chi trả đúng đối tượng, minh bạch, công khai, chống trùng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa và các cá nhân tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KTNS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH




Nguyễn Sơn Hùng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

**DANH SÁCH HỒ TRỢ HỘ KINH DOANH (CÓ ĐĂNG KÝ KINH DOANH, CÓ ĐĂNG KÝ THUẾ, CÓ NỢP THUẾ)
BỊ TẠM NGỪNG HOẠT ĐỘNG ĐỂ PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID - 19 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**
(Kèm theo Quyết định số 2456/QĐ-UBND ngày 21 / 9 /2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

DVT: đồng

STT	Tên Hệ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CC CD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(9)	(10)		
	1. Phường Thanh Bình								
1	Nguyễn Thị Mỹ Ly	3600279888	47A8007608	271490570	Sạp B2, Chợ Biên Hòa	9/7/2021-6/9/2021	3.000.000		
2	Tăng Kim Phụng	3601411151	47A8009920	271364651	20, Phan Chu Trinh, Kp1	10/7/2021-6/9/2021	3.000.000		
3	Nguyễn Thị Uyên Vy	3601115547	47A8034799	272099555	10 Nguyễn Văn Trị	9/7/2021-6/9/2021	3.000.000		
4	Dặng Thị Hà	3600427494	47A8025057	271671024	6 Nguyễn Văn Trị	9/7/2021-6/9/2021	3.000.000		
5	Đoàn Thị Hòa Oanh	3600869012	47A8018361	270860582	Sạp A27, Chợ Biên Hòa	8/7/2021-6/9/2021	3.000.000		
6	Lâm Sơn Dương	3600322910	47A8041097	270070120	39 Cách Mạng Tháng 8	10/7/2021-31/8/2021	3.000.000		
7	Châu Lê An	3600894837	47A8019406	271385441	24, Nguyễn Thị Gian, Kp1	9/7/2021-6/9/2021	3.000.000		
8	Vương Văn Đức	3600279662	47A8024846	271252094	Kios A4.15, Nguyễn Văn Trị, Kp1	10/7/2021-6/9/2021	3.000.000		
9	Đỗ Thị Hồng Ngọc	3602215382	47A8057702	271116948	30 Lê Thánh Tôn, Kp1	07/07/2021-23/8/2021	3.000.000		
10	Tô Thị Mai Lan	3602220248	47A8026204	270994100	Sạp A33-A25, Chợ Biên Hòa	09/7/2021-7/9/2021	3.000.000		
11	Phan Thị Bạch Yến	3600280724	47A8025789	270167824	Sạp 14, 18, Chợ Biên Hòa	12/7/2021-31/8/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CC CD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
12	Vũ Nguyễn Phương	3600760833	47A8033663	271159606	A1.6 Nguyễn Văn Trì, Chợ Biên Hòa	1/5/2021-7/9/2021	3.000.000		
13	Nguyễn Thanh Nguyên Thuận	3600803815	47A8025236	271870181	10d Nguyễn Văn Trì, Kp1	10/7/2021-8/9/2021	3.000.000		
14	Trương Lê Thu	3602852818	47A8034640	272039225	A4.1 Tttm	10/7/2021-15/9/2021	3.000.000		
15	Nguyễn Tường Lâm	3600803660	47A8047953	271043746	Số 4, Lũ Mảnh, Kp3	10/7/2021-8/9/2021	3.000.000		
16	Trần Thị Dung	3600453141	47A8025900	270068371	Sạp A56 Chợ Biên Hòa	1/7/2021-10/9/2021	3.000.000		
17	Ngô Thị Cẩm Tâm	8304274374	47A8056063	270995033	12 Lê Thánh Tôn, Kp1	11/7/2021-6/9/2021	3.000.000		
18	Lê Thị Thu Minh	3600857546	47A005036	272699215	Sạp K14, Chợ Biên Hòa	10/7/2021-10/9/2021	3.000.000		
19	Phan Thị Kim Chi	3600806340	47A8014153	272189992	128 Phan Đình Phùng, Kp2	9/7/2021-15/9/2021	3.000.000		
	2. Phường An Bình								
20	Kiều Thị Liệu	3603485416	47A8055176	272704114	160 Bùi Văn Hòa, KP11	01/7/2021-31/8/2021	3.000.000		
21	Nguyễn Thành Vũ	3601980937	47A8068637	271634791	99/8 tổ 11 KP1	01/7/2021-31/8/2021	3.000.000		
22	Dương Thị Phương Thảo	3602372071	47A8046724	271609905	16A10 KP1	01/7/2021-31/8/2021	3.000.000		
23	Phạm Ngọc Sơn	3600814172	47A8014569	271560295	04 tổ 1 KP3	01/7/2021-31/8/2021	3.000.000		
24	Nguyễn Thị Luyến	3603776486	47A 8058557	272599541	72/13kp3	01/7/2021-31/8/2021	3.000.000		
25	Vũ Văn Hùng	3600909184	47A8019048	272687262	326 KP11	01/7/2021-31/8/2021	3.000.000		
26	Hồ Văn Thách	8054717937	47A8057504	271904726	85A t9 KP12	01/7/2021-31/8/2021	3.000.000		
27	Phạm Văn Quyết	8082075255	47A8034675	162095858	110 tổ 1 kp11	01/7/2021-31/8/2021	3.000.000		
28	Nguyễn Thị Hiền	3600941526	47A8000748	271414718	24 TỔ 1 KP11	01/7/2021-31/8/2021	3.000.000		



STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CC CD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
29	Phan Đức Lộc	8086016204	47A8061557	271633890	99/4h tổ 10 KP1	01/7/2021-31/8/2021	3.000.000		
30	Bùi Thị Rê	3603081364	47A8039311	272533181	71/3 tổ 1 KP5	01/7/2021-31/8/2021	3.000.000		
31	Nguyễn Thị Sen	3601046526	47A8067138	270854791	2 tổ 6 KP 3	01/7/2021-31/8/2021	3.000.000		
32	Lê Thị Mai Hoa	3600393083	47A8044896	075165001165	11B KDC AB KP 1	01/7/2021-31/8/2021	3.000.000		
33	Nguyễn Thị Hòa	3603544848	47A8070595	272529781	A21 tổ 8c KP5	01/7/2021-31/8/2021	3.000.000		
34	Trần Thị Lành	8659453937	47A8071409	46184000259	107/10 KP12	01/7/2021-31/8/2021	3.000.000		
35	Đỗ Xuân Chiến	8010144647	47A8054790	271474964	40 KP3	01/7/2021-31/8/2021	3.000.000		
	3. Phường Hòa An								
36	Nguyễn Thị Kim Anh (Hai Thê Ký)	3603264960	47A8044717	024286079	A4. Khu phố Cầu Hang	1/5/2021 - 7/9/2021	3.000.000		
37	Nguyễn Thủy Dương	3603493671	47A8070604	271949597	45, Khu phố An Hòa	9/7/2021 - 7/9/2021	3.000.000		
38	Nguyễn Văn Viễn (Viễn Dương)	3600368062	47A8069765	271497428	36D, Khu phố An Hòa	9/7/2021 - 7/9/2021	3.000.000		
39	Trần Thị Bích Liên (Thanh Giáp)	3603149414	47A8040630	276101134	2403 Nguyễn Ái Quốc, Kp. An Hòa	01/5/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
40	Nguyễn Thị Thuần	3602367201	47A8024883	272372659	10/3A, Nguyễn Ái Quốc, p. Hòa An	10/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
41	Nguyễn Văn Tuấn	3602683038	47A8030843	205095464	136/2 Khu phố An Hòa	9/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
42	Phan Thị Triều Nhi	3603230344	47A8051976	079180013316	Chợ Hòa An, Sáp G3	10/7/2021 - 7/9/2021	3.000.000		
43	Lại Thị Nguyệt Khoa	3600939164	47A8019153	046157000197	Chợ Hòa An, Sáp E5	10/7/2021 - 7/9/2021	3.000.000		
44	Phan Thị Từ	8027844502	47A8052088	191741466	Chợ Hòa An, Sáp E15	8/9/2021 - 7/9/2021	3.000.000		
45	Trần Minh Tuấn	8637961253	47A8071556	272689072	Tổ 14, Khu phố Bình Hòa	11/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CC CD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
46	Lê Văn Lan	3603234324	47A8062323	164093746	1075/3 Tổ 8B, Khu phố Đồng Nai	11/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
47	Trần Minh Trung	3600940674	47A8012026	270940211	Chợ Hóa An, Kiot H11, P. Hòa An	11/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
	4. Phường Trảng Dài								
48	Ninh Cao Giáp	3603410153	47A8050911	037094003772	156A, Đồng Khởi, KP 2A	16/7/2021 - nay	3.000.000		
49	Nguyễn Hải Linh	3603741268	47A8068414	272611299	tổ 18, kp 4A	20/7/2021 - nay	3.000.000		
50	Cao Văn Khương	8498411972	47A8063916	272207016	29A, tổ 22, kp 4A	10/7/2021 - nay	3.000.000		
51	Đồng Thị Huệ	3603597617	47A8060604	272387296	65/26C, tổ 13, kp 5A	09/7/2021 - nay	3.000.000		
52	Thái Văn Lợi	3603285061	47A8045710	272729298	tổ 23, KP 5A	16/7/2021 - nay	3.000.000		
53	Vũ Thị Âu Dương	3603467086	47A8053933	272122293	B10, Đồng Khởi, tổ 10, KP 1	09/7/2021 - nay	3.000.000		
54	Nguyễn Thị Ngà	3602329781	47A8028131	272118576	57, tổ 12, kp 5	09/7/2021 - nay	3.000.000		
55	Huỳnh Thị Ánh Ngọc	3601448200	47A8051270	271444864	404/15, kp 2	01/8/2021 - nay	3.000.000		
56	Nguyễn Quang Tân	3603204619	47A8042621	272268072	344/11, Bui Trọng Nghĩa, tổ 14, kp 2	15/7/2021 - nay	3.000.000		
57	Huỳnh Minh Châu	3600999766	47A8019022	271247240	hẻm 227, 4C, kp 2A	15/7/2021 - nay	3.000.000		
58	Phạm Thị Ngọc Bích	3601671921	47A8044941	271284177	459/11, tổ 14, kp 2	15/7/2021 - nay	3.000.000		
59	Đỗ Xuân Hòa	3603634763	47A8062302	038084001151	tổ 9, kp 3A	09/7/2021 - nay	3.000.000		
60	Võ Thị Ánh Ngọc	3603807582	47A8071987	270780553	199, Nguyễn Phúc Chu, kp 5	15/5/2021 - nay	3.000.000		
61	Trần Xuân Thắng	8069004022	47A8034033	272011645	Tổ 6/KP3/Trảng Dài	01/7/2021 - nay	3.000.000		
62	Hoàng Thị Thiện Nguyệt	8465384843	47A8065281	272648050	299, Tổ 32, KP3Trảng Dài	09/7/2021 - nay	3.000.000		



STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CC CD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
63	Nguyễn Thiê Thông	8134815337	47A8038798	271933914	Tổ 40, KP3	15/7/2021 - nay	3.000.000		
64	Ngô Công Ân	3603708856	47A8066462	272883339	64, 23B Đồng Khởi, KP3	16/7/2021 - nay	3.000.000		
65	Nguyễn Thi Huệ	3600709347	47A8008773	271613175	44/10 Tổ 10, KP3	16/5/2021 - nay	3.000.000		
66	Hà Mạnh Hùng	3600757735	47A8011047	271290117	239/12, Bui T Nghia Tổ 34, KP3	16/7/2021 - nay	3.000.000		
67	Nguyễn Văn Hạnh	3603495862	47A8055822	272807780	459 Bui T Nghia, Tổ 35, KP3	10/7/2021 - nay	3.000.000		
68	Mai Văn Thuyết	3602534533	47A804901	3607102367	Tổ 35, KP3 Trảng Dài	01/7/2021 - nay	3.000.000		
69	Đào Thị Dậu	3600464753	47A8000080	272049046	13/20 Tổ 48, KP3	09/7/2021 - nay	3.000.000		
70	Nguyễn Văn Thanh	3601034023	47A8029558	272037223	15/8A Tổ 48, KP3	08/7/2021 - nay	3.000.000		
71	Nguyễn Văn Liêm	3600785820	47A8012797	17A871053786	Tổ 20, KP3	14/7/2021 - nay	3.000.000		
72	Vương Toàn Quân	3603633858	47A8062164	145262876	5/3 tổ 48, KP3	10/7/2021 - nay	3.000.000		
73	Đào Hà Bắc	3603381167	47A8049579	271826286	Tổ 26, KP3, Trảng Dài	10/7/2021 - nay	3.000.000		
74	Nguyễn Thị Phương Thủy	8585527067	47A8062489	271449069	Tổ 48, KP3, Trảng Dài	08/7/2021 - nay	3.000.000		
75	Thân Vũ Thiên Hương	3600796283	47A8029334	270934278	1460, Đồng Khởi, KP3, Trảng Dài	14/7/2021 - nay	3.000.000		
76	Nguyễn Hồ Tinh	3603162221	47A8040984	272545975	1238, Tổ 16, KP3 Trảng Dài	14/7/2021 - nay	3.000.000		
77	Vũ Văn Gấm	8134849015	47A8042712	111762272	28/23 Tổ 16, Kp3 Trảng Dài	14/7/2021 - nay	3.000.000		
78	Nguyễn Thi Thanh Huệ	3603199292	47A8042395	272669181	48A KP3 Trảng Dài	09/7/2021 - nay	3.000.000		
79	Nguyễn Thi Thủy Dương	8403239525	47A8056210	272164416	40C Tổ 29 KP3	05/5/2021 - nay	3.000.000		
80	Vương Thị Lan Anh	3600785210	47A8009524	271690201	tổ 33, kp 3	09/7/2021 - nay	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CC CD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
81	Vũ Gia Công	3603285600	47A8045780	272536634	tổ 1, kp 4	10/7/2021 - nay	3.000.000		
82	Nguyễn Văn Phú	3603561561	47A8058791	272272604	25/4B, tổ 27, kp 3A	15/7/2021 - nay	3.000.000		
83	Nguyễn Văn Nhiệm	3600491436	47A8020924	271395808	65, tổ 3, kp 2A	15/7/2021 - nay	3.000.000		
84	Đỗ Thị Mỹ Linh	3601661257	47A8067127	271535356	21B, tổ 7, KP 2A	01/6/2021 - nay	3.000.000		
	5. Phường Tân Mai								
85	Phạm Trần Quang	3600412233	47A8004199	271358181	93/463 KP4 Tân Mai	09/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
86	Trần Thị Thanh Thương	8318872984	47A8060925	271578112	74/4 KP3 Tân Mai	09/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
87	Đình Minh Thuận	0306088731	47A8069277	271698053	106/526 KP1 Tân Mai	09/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
88	Nguyễn Thị Nên	3600979897	47A8021039	271159904	97/6 KP6 Tân Mai	09/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
89	Hồ Ngọc Chi	3603530926	47A8057669	272831029	46/230 KP1 Tân Mai	09/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
90	Đoàn Thị Nương	8038339477	47A8065875	271566720	109-110/22 KP2 Tân Mai	01/8/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
91	Nguyễn Thị Thu Thảo	3603297941	47A8046540	270709657	82/407 KP4 Tân Mai	09/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
92	Nguyễn Thanh Hải	8364643805	47A8067607	272339723	145 KP2 Tân Mai	09/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
93	Nguyễn Ngọc Lâm	8016455046	47A8070791	271517403	287 KP2 Tân Mai	01/8/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
94	Đỗ Ngọc Đăng	8195627891	47A8046302	270110514	29/141A KP3 Tân Mai	09/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
95	Vũ Cao Nguyễn	3601828668	47A8025254	271328290	115/2 KP5 Tân Mai	09/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
96	Lý Minh Tài	8283942500	47A8064219	079091020071	189/5B KP2 Tân Mai	01/8/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
97	Vũ Đức Thế	3600403662	47A8005998	270720606	54/269 KP4 Tân Mai	09/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		



STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CC CD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
98	Phan Mạnh Biển	3603660851	47A8063912	187137603	40/196 KP3 Tân Mai	09/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
99	Lê Thị Huệ	3600470588	4707001531	270111312	41/205 KP3 Tân Mai	09/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
100	Nguyễn Thị Tuyết Mai	3600649835	47A8007188	270082667	Chợ Tân Mai	10/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
	6. Phường Hồ Nai								
101	Nguyễn Hữu Trí	3603432157	47A8052049	272067500	18/1 kp1	1/5/2021-31/8/2021	3.000.000		
102	Nguyễn Minh Khai	8303673619	47A8058380	264342089	720/1 NAO kp3	11/7/2021-15/9/2021	3.000.000		
103	Đinh Đức Thọ	3601982250	47A8028105	271380241	6/46 kp7	10/07/2021-15/9/2021	3.000.000		
104	Trần Xuân Hoàn	3603776239	47A8070339	272143136	140B/42 kp7	09/7/2021-30/8/2021	3.000.000		
105	Phan Anh Quốc	3600807947	47A8013739	271563332	385/93 kp7	11/7/2021-nay	3.000.000		
106	Nguyễn Vĩnh Hưng	8057034953	47A8035927	271563274	19/28 KP6	11/7/2021-nay	3.000.000		
107	Hoàng Gia Lộc	8096178596	47A8045965	022941159	547 kp6	9/7/2021-nay	3.000.000		
108	Ngô Giang Nam	8046323110	47A8065434	271683576	32A/55 kp9	01/7/2021-11/9/2021	3.000.000		
	7. Phường Long Bình Tân								
109	Hoàng Xuân Dũng	3603150297	47A8042814	194094068	221, tổ 17, Kp 3, LBT	09/07/2021-31/08/2021	3.000.000		
110	Huỳnh Thị Mỹ Hạnh	8111417876	47A8053740	341372153	128, tổ 6, KP 3A, LBT	15/07/2021-31/08/2021	3.000.000		
111	Đoàn Anh Tuấn	8422054897	47A8062909	272427365	53, tổ 2, KP 3A, LBT	15/07/2021-31/08/2021	3.000.000		
112	Nguyễn Thành Trung	8582258828	47A8068581	215164873	178, tổ 14, KP 3A, LBT	08/05/2021-31/08/2021	3.000.000		
113	Nguyễn Đăng Vinh	8021369018	47A8032800	271461713	175, tổ 7, KP 3A, LBT	09/07/2021-31/08/2051	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CC CD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
114	Nguyễn Văn Hiếu	8244382894	47A8055218	145127806	165, tổ 8, Kp 3A, LBT	01/07/2021-31/08/2021	3.000.000		
115	Lê Thị Thương Nhung	8397244411	47A8068043	272662444	160, tổ 7, Kp 3A, LBT	01/07/2021-31/08/2021	3.000.000		
116	Nguyễn Văn Được	3602007978	47A8045469	212121863	185, tổ 7, Kp 3A, LBT	01/07/2021-31/08/2021	3.000.000		
117	Nguyễn Văn Nghĩa	3603697636	47A8065882	121748550	143, tổ 8, Kp 3, LBT	09/07/2021-31/08/2021	3.000.000		
118	Vương Thị NHan	8283584238	47A8028775	272376859	200, tổ 7, Kp 3A, LBT	15/07/2021-31/08/2021	3.000.000		
119	Nguyễn Thị Hương	3603024239	47A8036176	272150006	187, tổ 7, Kp 3A, LBT	15/07/2021-31/08/2021	3.000.000		
120	Trần Doãn Hoan	8246373133	47A8026962	271936827	188, tổ 7, Kp 3A, LBT	15/07/2021-31/08/2021	3.000.000		
121	Trần Công Kiên	8274362327	47A8050174	024733101	168, Kp 3, LBT	15/07/2021-31/08/2021	3.000.000		
122	Vương Huy Sỹ	3603508247	47A8056692	272926061	280/9, tổ 8, Kp 3A, LBT	01/06/2021-31/08/2021	3.000.000		
123	Bùi Khắc Kiên	3601295191	47A8021342	272718058	134A, tổ 6, Kp 3, LBT	09/07/2021-31/08/2021	3.000.000		
124	Lưu Quyết Chiến	3601896386	47A824848	271619072	99/7, tổ 6, Kp 3A, LBT	15/07/2021-31/08/2021	3.000.000		
125	Nguyễn Thị Kim Loan	8041072960	47A8040425	271688578	103B, tổ 6, Kp 3A, LBT	08/07/2021-31/08/2021	3.000.000		
126	Doãn Thị Vui	3603725523	47A8067414	272642373	90A, tổ 4, Kp 3, LBT	10/07/2021-31/08/2021	3.000.000		
127	Nguyễn Thị Thoáng	3600773744	47A8006097	272337388	091, tổ 4, Kp 3A, LBT	15/07/2021-31/08/2021	3.000.000		
128	Tô Xuân Thịnh	8244360523	47A8049928	272286798	68, Kp 3, LBT	15/07/2021-31/08/2021	3.000.000		
129	Nguyễn Thị Anh Hoa	8059283271	47A8037158	272648719	15, tổ 1, Kp 3, LBT	15/07/2021-31/08/2021	3.000.000		
130	Vương Diệu THom	3603206091	47A8042724	272704368	1B, tổ 1, Kp 3A, LBT	10/08/2021-31/08/2021	3.000.000		
131	Lê Văn Hoàng	3603562212	47A8058848	168509334	028, Kp 3, LBT	11/07/2021-31/08/2021	3.000.000		



STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CC CD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
132	Phạm Thị Thanh Hà	8244327501	47A8042284	270808561	08, tổ 1, KP 3A, LBT	09/07/2021 -23/08/2021	3.000.000		
	8. Phương Quyết Thắng								
133	Lê Thị Diệu Diễm	3600930080	47A8020889	311791445	98A/12(94) VTS kp1	01/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
134	Hoàng Minh Dũng	8180043893	47A8050730	272449280	100D HHG kp1	01/8/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
135	Đỗ Văn Giới	3603643736	47A8062826	037090001930	39 HHG kp2	09/7/2021 - 30/8/2021	3.000.000		
136	Bành Đình Hào	8195559419	47A8011224	270858756	16/2B Ng thành phương kp2	14/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
137	Tất Thị Thu Trang	3601100942	47A8036461	271116907	73B CMT8 kp2	02/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
138	Lê Anh Thuận	8508280104	47A8063114	271624497	107 CMT8 kp2	30/5/2021 - 07/9/2021	3.000.000		
139	Nguyễn Tú An	4201120946	47A8065698	225310862	111(số mới 05) CMT8 kp2	01/7/2021 - 07/9/2021	3.000.000		
140	Nguyễn Trí Minh Hiền	3603679203	47A8065025	272854955	88(183) HHG kp2	10/7/2021 - 02/9/2021	3.000.000		
141	Nguyễn Thị Lắm	3602111577	47A8055027	271403449	21 HHG Kp2	01/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
142	Phan Xuân Mạnh	8314181136	47A8059388	272470643	36 VTS kp3	09/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
143	Đỗ Minh Mẫn	3600671580	47A8052486	270770333	24 VTS kp3	09/7/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
144	Nguyễn Trí Lộc	3600729417	47A8030707	270869147	87A HHG kp3	10/7/2021 - 02/9/2021	3.000.000		
145	Phạm Ngọc Dũng	3600321314	47A8002221-4	271112531	92 CMT8 kp3	01/6/2021 - 31/8/2021	3.000.000		
146	Phạm Long Thắng	3600271744	47A8042507	270621798	04 VTS kp3	02/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
147	Hồ Hoàng Cảnh	3601423647	47A8043433	271904630	16 VTS kp3	01/6/2021 - 15/9/2021	3.000.000		
148	Hồ Thị Minh Phương	3600859543	47A8041481	270005984	239 HHG kp4	01/7/2021 - 15/9/2021	3.000.000		

STT	Tên Hộ kinh doanh	MST	Số giấy ĐKKD	Số CMND/CC CD	Địa điểm KD	Thời gian ngưng KD	Mức đề nghị hỗ trợ	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
	9. Phường Phước Tân								
149	Phùng Thị Mai	3602585954	47A8057166	270228893	391, TỎ 7, KP. MIẾU	10/7/2021 - nay	3.000.000		
150	Nguyễn Thị Hồng Ván	8316202102	47A8063808	272086570	402A, TỎ 8, KP Hương Phước	10/7/2021 - nay	3.000.000		
151	Nguyễn Thị Hồng	3603475954	47A8054607	272500581	TỎ 3, KP Vườn Dừa	10/7/2021 - nay	3.000.000		
152	Dư Thị Tâm	8324306507	47A8044425	272101549	23 Thành Thái, KP Tân Lập	10/7/2021 - nay	3.000.000		
153	Phạm Thái Hà	8101257976	47A8038782	271605425	TỎ 21, KP Hương Phước	10/7/2021 - nay	3.000.000		
154	Trịnh Xuân Khương	8332755224	47A8043447	272895357	TỎ 9, KP Hương Phước	10/7/2021 - nay	3.000.000		
155	Nguyễn Thành Luân	8118084626	47A8059030	271965505	TỎ 8, KP Hương Phước	10/7/2021 - nay	3.000.000		
156	Lê Thị Như Huệ	3603461197	47A8053572	272683809	TỎ 12, KP Hương Phước	10/7/2021 - nay	3.000.000		
157	Đỗ Thị Thùy	3603488495	47A8055404	272749141	TỎ 13, KP Hương Phước	10/7/2021 - nay	3.000.000		
158	Trần Thanh Sơn	3601058320	47A8033260	271282236	TỎ 14, KP Hương Phước	10/7/2021 - nay	3.000.000		
	Tổng cộng: 158 hộ						474.000.000		

Tổng số tiền hỗ trợ: 474.000.000 đồng
(Bốn trăm bảy mươi bốn triệu đồng chẵn)

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Sơn Hùng